

Bản án số: 148/2026/HS-PT
Ngày 24 - 9 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA W NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Doanh.

Các Thẩm phán: Ông Dương Văn Bản

Ông Hoàng Văn Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Miên - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Đức Chiến - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 124/2026/TLPT-HS ngày 24 tháng 8 năm 2026, do có kháng cáo của các bị cáo Triệu Quốc W, Hà Đức D, Ma Quốc S đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 23/2026/HS-ST ngày 15 tháng 7 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thái Nguyên.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Triệu Quốc W, sinh ngày 21/10/1985 tại xã C, tỉnh Thái Nguyên; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Tổ B (nay là tổ 9), phường B, tỉnh Thái Nguyên; Số căn cước công dân: 006085005316; Nghề nghiệp: Công chức; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: W Nam; Con ông Triệu Văn M, sinh năm 1958 và bà Ma Thị L, sinh năm 1962; có vợ là Nguyễn Thị T, sinh năm 1990; con: Có 02 con, con thứ nhất sinh năm 2014, con thứ hai sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Không.

Đảng, đoàn thể: Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, đã bị khai trừ khỏi Đảng theo Quyết định thi hành kỷ luật số 06-QĐ/UBKTĐU ngày 26/9/2025 của Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy xã Chợ Đồn, tỉnh Thái Nguyên.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 20/8/2025 cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh Thái Nguyên - Có mặt tại phiên tòa.

2. Hà Đức D, sinh ngày 02/5/1984 tại xã Y, tỉnh Thái Nguyên; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn 3 (nay là thôn 2), xã Chợ Đồn, tỉnh Thái Nguyên; Số căn cước công dân: 006084004064; Nghề nghiệp: Công chức; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: W Nam; Con ông Hà Văn t, sinh năm 1957 và bà Hoàng Thị H, sinh năm 1959; có vợ là Hoàng Thị Thu N, sinh năm 1985; con: Có 02 con, con thứ nhất sinh năm 2014, con thứ hai sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 20/8/2025 cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh Thái Nguyên - Có mặt tại phiên tòa.

3. Ma Quốc S, sinh ngày 01/5/1991 tại xã Y, tỉnh Thái Nguyên; Nơi ĐKKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn T (nay là thôn Y), xã Yên Bình, tỉnh Thái Nguyên; Số căn cước công dân: 006091004756; Nghề nghiệp: Công chức; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: W Nam; Con ông Ma Văn T, sinh năm 1963 và bà Ma Thị Á, sinh năm 1965; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 20/8/2025 cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh Thái Nguyên - Có mặt tại phiên tòa.

** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Nguyễn Thị T, sinh năm 1990; trú tại: Tổ 8B (nay là tổ 9), phường Bắc Kạn, tỉnh Thái Nguyên - Có mặt.

- Hoàng Thị Thu N, sinh năm 1985; trú tại: Thôn 3 (nay là thôn 2), xã Chợ Đồn, tỉnh Thái Nguyên - Có mặt.

- Ma Văn T, sinh năm 1963; trú tại: Thôn Trung Tâm (nay là thôn Yên Cư), xã Yên Bình, tỉnh Thái Nguyên - Có mặt.

Trong vụ án còn có các bị cáo Lục Mạnh T, Vũ Đình C, Nguyễn Văn T, Triệu Khái D, Giá Văn, Nông Văn H, Hoàng Văn T không có kháng cáo, không bị kháng cáo, không bị kháng nghị, không có liên quan đến kháng cáo; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ngô Xuân S, Đào Thị T không có kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo; người làm chứng không liên quan đến kháng cáo. Vì vậy, Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 09/7/2025, ông Ngô Xuân S gửi đơn tố giác các cán bộ Kiểm lâm thuộc Trạm Kiểm lâm Quảng Bạch có hành vi đòi hỏi, yêu cầu ông S phải đưa số tiền 2.000.000 đồng thì mới không gây khó khăn cho việc khai thác, vận chuyển gỗ và thực tế ngày 09/7/2025, Lục Mạnh T là Kiểm lâm viên thuộc Trạm Kiểm lâm Quảng Bạch đã nhận của ông số tiền 1.700.000 đồng. Ông S gửi cùng 01 USB bên trong có chứa âm thanh và hình ảnh của lần nói chuyện, đưa tiền giữa ông S và Lục Mạnh T. Vụ việc được Công an xã Quảng Bạch, tỉnh Thái Nguyên thụ lý giải quyết, ngày 15/8/2025 chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Nguyên để điều tra theo thẩm quyền.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Nguyên đã điều tra thu thập tài liệu, xác định: Năm 2024, Trạm Kiểm lâm Quảng Bạch do ông Nguyễn Đình S - Phó Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm Chợ Đồn phụ trách gồm có 04 (bốn) thành viên gồm: Triệu Quốc W là Trạm phó và 03 (ba) Kiểm lâm viên là Lục Mạnh T, Hà Đức D và Ma Quốc S. Từ ngày 17/7/2025, Trạm Kiểm Lâm Quảng Bạch đổi tên là Tổ Kiểm lâm Quảng Bạch do ông Vũ Văn T - Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm số 7 phụ trách. Do ông T thường làm việc ở Hạt Kiểm lâm số 7, không sinh hoạt cùng

mọi người, công việc của Tổ Kiểm lâm Quảng Bạch do W điều hành và báo cáo trực tiếp đến Thịnh.

Trong quá trình công tác và sinh hoạt tại Trạm Kiểm lâm Quảng Bạch, Triệu Quốc W nhận thấy trạm không có quỹ chung, các chi phí sinh hoạt phải tự đóng góp nên đã bàn bạc, thống nhất với các thành viên trong trạm cùng nhận hối lộ để tạo nguồn quỹ chung. Khoảng tháng 6/2024, Triệu Quốc W trao đổi với Lục Mạnh T, Hà Đức D và Ma Quốc S về việc lợi dụng chức năng kiểm lâm để buộc các chủ rừng, người khai thác và các xe vận chuyển lâm sản trên địa bàn xã Q và Nam Cường phải nộp tiền nếu không muốn bị kiểm tra, xử lý hoặc gây khó khăn. Thắng, D và S đồng ý. W, T, D, S thống nhất phân công nhiệm vụ: Hà Đức D thu và tổng hợp toàn bộ tiền hối lộ; ghi chép thu, chi; nắm tình hình khai thác, vận chuyển lâm sản tại xã X; Lục Mạnh T ở tại trụ sở Tổ Kiểm lâm Q để nhận tiền của lái xe vận chuyển lâm sản; nắm tình hình tại xã Đ; Ma Quốc S cùng Triệu Quốc W đi kiểm tra các xe vận chuyển trên địa bàn xã Q và Nam Cường; nắm tình hình khai thác tại xã N; Triệu Quốc W chỉ đạo việc kiểm tra; điều hành việc nhận hối lộ; trực tiếp nắm tình hình khai thác tại xã T.

W, T, D, S thống nhất sử dụng ký hiệu, viết tắt trong ghi chép, sau mỗi chu kỳ thu, chi sẽ tiêu hủy sổ sách để tránh bị phát hiện. Ngày 28/9/2025, W lập nhóm Zalo “Tổ kiểm lâm Quảng Bạch” để trao đổi việc thu tiền hối lộ. Theo chỉ đạo của Việt, các thành viên trong tổ thường xuyên dừng xe, kiểm tra, gây khó khăn đối với các xe chở lâm sản nhằm buộc họ phải đưa tiền để được “bỏ qua” việc kiểm tra; đối với chủ rừng hoặc người khai thác lâm sản rừng trồng, nếu không đưa tiền sẽ bị gây khó khăn, không cho khai thác hoặc vận chuyển.

Ngày 17/12/2024, Ngô Xuân S tiến hành khai thác đồi cây tại thôn K, xã Quảng Bạch, tỉnh Thái Nguyên, Sơn đã đến gặp W thông báo về việc khai thác gỗ và W yêu cầu S phải đưa số tiền 2.000.000 đồng thì sẽ không bị lập hồ sơ xử lý vi phạm trong hoạt động khai thác cây. Do biết nếu không đưa tiền thì sẽ bị tổ Kiểm lâm gây khó khăn không cho khai thác cây, nên cùng ngày S đã mang số tiền 1.700.000 đồng đến tổ Kiểm lâm Quảng Bạch và đưa cho Lục Mạnh T. Khi đưa tiền, S có nói với T là do chưa đủ tiền nên S đưa trước 1.700.000 đồng, số tiền 300.000 đồng S sẽ đưa sau và được T đồng ý (khi nói chuyện và đưa tiền cho T, S đã tự quay video và gửi cơ quan điều tra cùng đơn tố giác tội phạm). Do T không báo lại cho W biết đã nhận tiền của S nên chiều cùng ngày W cùng D đến nơi Sơn khai thác gỗ và đe dọa bắt dừng việc khai thác, S đã nói lại việc đã đưa tiền cho T rồi, thì W và D ra về và không gây khó khăn gì cho S, để mặc cho S khai thác, vận chuyển gỗ ra khỏi địa bàn quản lý mà không phải làm thủ tục, giấy tờ gì.

Quá trình điều tra còn phát hiện ngoài việc nhận tiền hối lộ của Ngô Xuân S thì W và các cán bộ Kiểm lâm Tổ Kiểm lâm Quảng Bạch còn nhận tiền hối lộ của nhiều cá nhân khác, cụ thể:

1. Nhận hối lộ số tiền 3.300.000 đồng của Nông Văn H, sinh năm 1985, trú tại Thôn P, xã Chợ Đồn, tỉnh Thái Nguyên (nay là thôn N, xã Chợ Đồn, tỉnh Thái Nguyên):

Nông Văn H là người thường xuyên vận chuyển lâm sản trên địa bàn các

xã N và xã Quảng Bạch, tỉnh Thái Nguyên. Trong quá trình vận chuyển, H đã liên lạc với Triệu Quốc W qua mạng xã hội Zalo và thống nhất việc đưa tiền nhằm bỏ qua vi phạm trong hoạt động vận chuyển lâm sản, với mức 200.000đ/xe, thỏa thuận khoảng từ 9 đến 10 chuyến xe, H sẽ chuyển tiền một lần vào tài khoản của Triệu Quốc W. Sau đó, Nông Văn H đã nhiều lần chuyển tiền cho Triệu Quốc W, với tổng số tiền là 3.300.000 đồng, cụ thể: Ngày 24/3/2025 chuyển 500.000 đồng; ngày 01/4/2025 chuyển 1.400.000 đồng; ngày 04/8/2025 chuyển 1.400.000 đồng. Sau khi nhận tiền W đã chuyển lại cho Hà Đức D quản lý, sử dụng chi trả các khoản tiền sinh hoạt chung của tổ.

2. Nhận hối lộ số tiền 3.150.000 đồng của Giá Văn T, sinh năm 1991, trú tại Thôn Đh, xã N, tỉnh Thái Nguyên (nay là thôn X, xã N, tỉnh Thái Nguyên):

Từ tháng 02 năm 2025 đến tháng 8 năm 2025, Giá Văn T thu mua gỗ ở thôn Đại Thành, xã Nam Cường tỉnh Thái Nguyên sau đó vận chuyển đến xã Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên để bán kiếm lời. Quá trình vận chuyển bị Hà Đức D là cán bộ trạm Kiểm lâm Quảng Bạch dừng xe kiểm tra và ép buộc phải đưa tiền thì mới được vận chuyển gỗ, T nhận thấy nếu không đưa tiền sẽ không được vận chuyển gỗ nên buộc phải đồng ý việc đưa tiền cho các cán bộ Kiểm lâm ở mức tính 150.000 đồng/01 chuyến xe. Do số lượng gỗ thu mua của dân ở thôn Đại Thành không nhiều, nên T thỏa thuận với D trước mỗi lần vận chuyển gỗ T sẽ nhắn tin thông báo cho Hà Đức D, D sẽ nhắn lại thông tin này trên nhóm zalo của tổ để các thành viên trong nhóm hiểu là T đã đưa hối lộ không dừng xe kiểm tra xe của T nữa, sau khoảng vài chuyến xe T sẽ chuyển tiền vào tài khoản cho D một lần.

Từ ngày 16/02/2025 đến ngày 31/7/2025, tổng số lượng gỗ T đã thu mua ở thôn Đại Thành khoảng 21 đến 22 xe và T đều báo tin cho D các lần vận chuyển. Quá trình vận chuyển, T đều không có giấy tờ gì và không bị Tổ Kiểm lâm kiểm tra, xử phạt, tổng số tiền T đã đưa hối lộ cho D là 3.150.000 đồng. Sau khi nhận tiền từ T, D đã chuyển toàn bộ số tiền này vào quỹ chung của Tổ Kiểm lâm và sử dụng chi tiêu sinh hoạt chung.

3. Nhận hối lộ số tiền 6.200.000 đồng của Hoàng Văn T, sinh năm 1987, trú tại Thôn Bản Ó, xã N, tỉnh Thái Nguyên (nay là thôn X, xã N, tỉnh Thái Nguyên):

Tháng 3/2025, khi Toàn mua đồi cây mỡ của ông Hoàng Văn T, sinh năm 1982, cùng trú tại thôn Bản Ó, xã N, tỉnh Thái Nguyên để khai thác, Toàn đã gọi điện thoại cho Hà Đức D để thông báo, D yêu cầu T phải đưa số tiền 1.200.000 đồng để bỏ qua việc lập hồ sơ khai thác lâm sản. Ngày 30/3/2025, Toàn đã chuyển khoản số tiền 1.200.000 đồng cho D thông qua tài khoản của bà Đào Thị T, sinh năm 1973, trú tại thôn B, xã Quảng Bạch, tỉnh Thái Nguyên. Đến đầu tháng 4/2025, khi T khai thác 04 đồi cây tại thôn Thượng Sơn và thôn Đại Thành thì D yêu cầu T phải đưa tiền ở mức 1.200.000 đồng/đồi, tổng số tiền là 4.800.000 đồng để bỏ qua việc kiểm tra khai thác, vận chuyển gỗ, đồng thời yêu cầu đưa thêm 200.000 đồng do T mua cây của người dân khu vực lân cận. Ngày 10/4/2025, Hoàng Văn T đã chuyển 5.000.000 đồng cho D cũng thông qua tài khoản của bà Đào Thị T. Như vậy, tổng số tiền Hoàng Văn T đã

đưa hối lộ cho Hà Đức D là 6.200.000 đồng, số tiền này D dùng để chi tiêu sinh hoạt chung cho cả Tổ Kiểm lâm Quảng Bạch.

4. Nhận hối lộ số tiền 3.500.000 đồng của Triệu Khái D, sinh năm 1990, trú tại Thôn K, xã Quảng Bạch, tỉnh Thái Nguyên (nay là thôn T1, xã Quảng Bạch, tỉnh Thái Nguyên):

Ngày 05/6/2025, Dũng khai thác 02 đôi cây tại thôn N và thôn N, xã Nam Cường, tỉnh Thái Nguyên, D gọi cho W báo về việc khai thác đôi cây và thỏa thuận đưa cho W số tiền 2.000.000 đồng để W bỏ qua thủ tục vận chuyển gỗ, nhưng W không đồng ý và yêu cầu Dũng phải đưa số tiền 2.500.000 đồng, do vậy ngày 05/6/2025 Dũng đã chuyển khoản cho Triệu Quốc W số tiền 2.500.000 đồng. Đến ngày 12/8/2025, Triệu Khái D tiếp tục khai thác cây của gia đình ông Phùng P, trú tại thôn K, xã Quảng Bạch, tỉnh Thái Nguyên theo yêu cầu của W, D đã chuyển khoản cho W số tiền 1.000.000 đồng để W bỏ qua việc làm thủ tục khai thác, vận chuyển gỗ. Sau khi đưa tiền cho Việt, Dũng tiến hành khai thác gỗ mà không phải làm thủ tục giấy tờ gì, cũng không bị Tổ Kiểm lâm kiểm tra, xử phạt. Tổng số tiền Triệu Khái D đã đưa hối lộ cho Triệu Quốc W là 3.500.000 đồng, số tiền này W đưa lại cho D để quản lý và chi tiêu vào việc sinh hoạt chung của tổ.

Ngoài ra, theo lời khai của các bị cáo, các giấy tờ ghi chép và tài liệu lưu giữ trên điện thoại di động có đủ căn cứ xác định: Các bị cáo còn nhận tiền hối lộ tổng số tiền 61.764.000 đồng của nhiều người khác nhau, mục D đều là nhận hối lộ để bỏ qua việc kiểm tra hồ sơ khai thác, vận chuyển gỗ, cụ thể: Từ tháng 5/2025 đến ngày 21/6/2025, các bị can đã nhận tổng số tiền 51.264.000 đồng; ngày 24/6/2025 nhận tổng số tiền 3.100.000 đồng; ngày 27/6/2025 nhận số tiền 100.000 đồng; ngày 01/7/2025 nhận tổng số tiền 600.000 đồng; từ ngày 02/7/2025 đến ngày 18/7/2025 nhận tổng số tiền 5.000.000 đồng; ngày 13/8/2025 nhận số tiền 1.700.000 đồng. Số tiền này đã được các bị cáo sử dụng chi tiêu chung hết, do đó các bị cáo cùng phải chịu trách nhiệm đối với số tiền đã nhận hối lộ này. Về người đưa hối lộ, đến nay không đủ căn cứ thông tin để xác định, nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý về tội đưa hối lộ.

Như vậy, Triệu Quốc W, Hà Đức D, Lục Mạnh T và Ma Quốc S phải chịu trách nhiệm hình sự với tổng số tiền nhận hối lộ trong thời gian công tác tại Trạm Kiểm lâm Quảng Bạch (nay là Tổ Kiểm lâm Quảng Bạch) là 79.914.000 đồng, trong đó tổng số tiền thực tế đã nhận là 79.614.000 đồng, số tiền có hứa hẹn trước (với Ngô Xuân S) nhưng chưa nhận là 300.000 đồng.

Mở rộng điều tra vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Nguyên còn phát hiện ngoài việc nhận hối lộ khi công tác tại Trạm Kiểm lâm Quảng Bạch, khi công tác tại Trạm Kiểm lâm Rã Bản, Triệu Quốc W còn nhận hối lộ của 03 người khác, cụ thể: Từ năm 2021 đến tháng 9/2023, khi giữ cương vị phụ trách và sau đó là Trạm trưởng Trạm Kiểm lâm Rã Bản, Triệu Quốc W đã phát hiện nhiều vi phạm trong việc khai thác, chế biến gỗ trên địa bàn xã B, Y và Đ nhưng không lập biên bản, không tiến hành kiểm tra xử phạt mà lại yêu cầu các chủ gỗ đưa tiền để bỏ qua hành vi vi phạm:

1. Nhận hối lộ số tiền 7.000.000 đồng của Nguyễn Văn T, sinh năm 1973,

trú tại xóm Ao Sen, xã Kim Phượng, tỉnh Thái Nguyên

Năm 2022, T khai thác “cây mọc xen” tại đồi cây ở thôn Khau Chủ, xã Đ, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn nay là xã Bạch Thông, tỉnh Thái Nguyên, do không muốn làm hồ sơ khai thác và để việc vận chuyển gỗ được dễ dàng, không bị kiểm tra, xử phạt, T đã đưa cho W số tiền 7.000.000 đồng để W bỏ qua việc lập hồ sơ, không kiểm tra. Sau khi đưa tiền cho W, T đã tiến hành khai thác đồi cây, vận chuyển về xưởng chế biến mà không cần làm hồ sơ khai thác, không bị ai kiểm tra xử phạt.

2. Nhận hối lộ số tiền 4.500.000 đồng của Vũ Đình C, sinh năm 1987, trú tại thôn 3, xã n, tỉnh Thái Nguyên.

Năm 2022, Vũ Đình C khai thác đồi cây tại xã Đồng Phúc, tỉnh Thái Nguyên, do khi khai thác gỗ không làm hồ sơ thủ tục gì nên C đã đưa cho Triệu Quốc W số tiền 4.500.000 đồng để được W bỏ qua việc lập hồ sơ, sau khi đưa tiền cho W, C đã tiến hành khai thác đồi cây mà không cần làm hồ sơ khai thác, không bị ai kiểm tra xử phạt.

3. Nhận hối lộ số tiền 3.000.000 đồng của Ngô Xuân S, sinh năm 1993, trú tại thôn Tg, xã Quảng Bạch, tỉnh Thái Nguyên.

Ngày 15/8/2023, Ngô Xuân S khai thác cây tại đồi rừng của gia đình ông Triệu Văn P, sinh năm 1972, trú tại thôn Đ, xã Bạch Thông, tỉnh Thái Nguyên. Do việc khai thác cây không có giấy phép nên S đã chuyển khoản cho Triệu Quốc W số tiền 3.000.000 đồng để W bỏ qua không yêu cầu lập hồ sơ. Sau khi đưa tiền cho W, S đã tiến hành khai thác đồi cây mà không cần làm hồ sơ khai thác, không bị ai kiểm tra xử phạt.

Căn cứ dữ liệu thu thập trên điện thoại di động, Triệu Quốc W thừa nhận từ tháng 8/2021 đến tháng 11/2021, Triệu Quốc W đã nhiều lần nhận tiền của các cá nhân để không kiểm tra, không xử lý hành vi vận chuyển, khai thác, chế biến lâm sản với tổng số tiền 28.100.000 đồng. Số tiền này W đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết, đến nay không nhớ đã chi tiêu những việc gì. Do vậy, tổng số tiền Triệu Quốc W đã nhận hối lộ khi công tác tại Trạm Kiểm lâm Rã Bản là 42.600.000 đồng.

Nguyễn Văn T, Vũ Đình C, Nông Văn H, Giá Văn T, Hoàng Văn T và Triệu Khái D đã đưa tiền hối lộ tương ứng lần lượt là: 7.000.000 đồng; 4.500.000 đồng; 3.300.000 đồng; 3.150.000 đồng; 6.200.000 đồng và 3.500.000 đồng cho Kiểm lâm viên nhằm mục D được bỏ qua việc kiểm tra, xử lý vi phạm hoặc tạo điều kiện thuận lợi trong hoạt động khai thác, vận chuyển lâm sản. Việc đưa hối lộ của các bị cáo là riêng lẻ, không cùng bàn bạc, thống nhất đưa hối lộ với nhau.

Bản kết luận giám định số 512/KL-KTHS ngày 17/10/2025 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên kết luận: Không phát hiện dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong tập tin gửi giám định; Thời gian khởi tạo tập tin video gửi giám định là 03 giờ 33 phút 33 giây chiều ngày 05/8/2025; Không xác định được địa điểm khởi tạo video.

Tại Công văn số 47/KTHS ngày 17/10/2025 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên kết luận: Không phát hiện dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung âm thanh trong tập tin video mang tên “6876026262081”.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2026/HS-ST ngày 15/7/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thái Nguyên đã quyết định:

Căn cứ điểm b, đ khoản 2, khoản 5 Điều 354; Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo **Triệu Quốc W**.

Căn cứ điểm b, đ khoản 2, khoản 5 Điều 354; Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo **Lục Mạnh T**.

Căn cứ điểm b, đ khoản 2, khoản 5 Điều 354; Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); đối với bị cáo **Hà Đức D**.

Căn cứ điểm b, đ khoản 2, khoản 5 Điều 354; Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo **Ma Quốc S**.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 364; Điều 50; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo **Nguyễn Văn T**.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 364; Điều 50; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo **Triệu Khải D**.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 364; Điều 50; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo **Vũ Đình C**.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 364; Điều 50; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo **Giá Văn T**.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 364; Điều 50; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo **Nông Văn H**.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 364; Điều 50; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo **Hoàng Văn T**.

Tuyên bố:

Các bị cáo **Triệu Quốc W, Lục Mạnh T, Hà Đức D, Ma Quốc S** phạm tội: “*Nhận hối lộ*”.

Các bị cáo **Vũ Đình C, Nguyễn Văn T, Triệu Khải D, Giá Văn T, Nông Văn H** và **Hoàng Văn T** phạm tội: “*Đưa hối lộ*”.

Về hình phạt:

Về hình phạt chính:

- Xử phạt bị cáo **Triệu Quốc W** 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo tạm giam bị cáo 20/8/2025.

- Xử phạt bị cáo **Lục Mạnh T** 05 (năm) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án (được trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giam từ ngày 20/8/2025 đến ngày 11/02/2026).

- Xử phạt bị cáo **Hà Đức D** 07 (bảy) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo tạm giam bị cáo 20/8/2025.

- Xử phạt bị cáo **Ma Quốc S 07** (bảy) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo tạm giam bị cáo 20/8/2025.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T 08** (tám) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 (mười sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Kim Phượng, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Xử phạt bị cáo **Vũ Đình C07** (bảy) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 (mười bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Chợ Đồn, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Xử phạt bị cáo **Triệu Khái D 06** (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Quảng Bạch, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Xử phạt bị cáo **Giá Văn T 07** (bảy) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 (mười bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Nam Cường, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Xử phạt bị cáo **Nông Văn H 06** (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Chợ Đồn, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Xử phạt bị cáo **Hoàng Văn T 06** (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Nam Cường, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Về hình phạt bổ sung:

- Phạt tiền bị cáo **Triệu Quốc W 30.000.000** đồng (ba mươi triệu đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

- Phạt tiền bị cáo **Lục Mạnh T 30.000.000** đồng (ba mươi triệu đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

- Phạt tiền bị cáo **Hà Đức D 30.000.000** đồng (ba mươi triệu đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

- Phạt tiền bị cáo **Ma Quốc S 30.000.000** đồng (ba mươi triệu đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

Cấm các bị cáo Triệu Quốc W, Lục Mạnh T, Hà Đức D và Ma Quốc S đảm nhiệm chức vụ trong cơ quan Kiểm lâm trong thời hạn 01 năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về việc xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp, biện pháp ngăn chặn, án phí, quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 21/7/2026 bị cáo Triệu Quốc W kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; ngày 22/7/2026 bị cáo Hà Đức D kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; ngày 28/7/2026 bị cáo Ma Quốc S kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các bị cáo Triệu Quốc W, Hà Đức D , Ma Quốc S khai nhận diễn biến hành vi phạm tội đúng như bản án sơ thẩm đã nêu và giữ nguyên nội dung kháng cáo.

- Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên:

Đơn kháng cáo của bị cáo được làm và nộp trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết.

Về tội danh, cấp sơ thẩm xét xử đúng người, đúng tội.

Về nội dung kháng cáo: Xét thấy trong gia đoạn xét xử phúc thẩm các bị cáo Việt, D , S có tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Triệu Quốc W, Hà Đức D , Ma Quốc S, sửa bản án hình sự sơ thẩm về phần hình phạt đối với các bị cáo Triệu Quốc W, Hà Đức D , Ma Quốc S.

- Căn cứ điểm b, đ khoản 2, khoản 5 Điều 354; Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Triệu Quốc W từ 05 năm 06 tháng tù đến 06 năm tù về tội “Nhận hối lộ”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 20/8/2025.

- Căn cứ điểm b, đ khoản 2, khoản 5 Điều 354; Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Hà Đức D từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù về tội “Nhận hối lộ”. Thời hạn tù tính từ bắt tạm giam 20/8/2025.

- Căn cứ điểm b, đ khoản 2, khoản 5 Điều 354; Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Ma Quốc S 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù về tội “Nhận hối lộ”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 20/8/2025.

Tiếp tục tạm giữ số tiền các bị cáo đã nộp trong gia đoạn xét xử phúc thẩm để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án cho các bị cáo.

Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

- Trong lời nói sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử khoan hồng giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Đơn kháng cáo của các bị cáo Triệu Quốc W, Hà Đức D , Ma Quốc S gửi trong thời hạn và đúng theo thủ tục theo quy định của pháp luật nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận:

Trong khoảng thời gian từ tháng 12/2024 đến tháng 8/2025, các cán bộ của Trạm Kiểm lâm Quảng Bạch (từ 17/7/2025 đổi tên thành Tổ Kiểm lâm Quảng Bạch) gồm: Triệu Quốc W, Lục Mạnh T, Hà Đức D và Ma Quốc S đã có hành vi nhận hối lộ của Ngô Xuân S số tiền 2.000.000 đồng (có 300.000 đồng chưa nhận); nhận hối lộ của Nông Văn Huyền số tiền 3.300.000 đồng; nhận hối lộ của Hoàng Văn T số tiền 6.200.000 đồng; nhận hối lộ của Triệu Khải D số tiền 3.500.000 đồng; nhận tiền hối lộ của Giá Văn T số tiền 3.150.000 đồng; nhận hối lộ của nhiều người khác (các bị cáo không xác định được họ tên, địa chỉ cụ thể của những người đưa hối lộ) số tiền 61.764.000 đồng. Tổng số tiền các bị cáo Việt, Thắng, D, S đã nhận là 79.614.000 đồng để bỏ qua các hành vi trong việc khai thác, vận chuyển, chế biến lâm sản.

Mục D nhận hối lộ để tạo nguồn quỹ chung cho Trạm.

Trước đó, trong khoảng thời gian từ tháng 8/2021 đến tháng 8/2023, khi đang công tác tại Trạm Kiểm lâm Giã Bản, Triệu Quốc W còn nhận hối lộ của Nguyễn Văn T số tiền 7.000.000 đồng; nhận hối lộ của Vũ Đình C số tiền 4.500.000 đồng; nhận hối lộ của Ngô Xuân S số tiền 3.000.000 đồng; nhận hối lộ của nhiều người khác (bị cáo W không xác định được họ tên, địa chỉ cụ thể của những người đưa hối lộ) số tiền 28.100.000 đồng. Tổng số tiền Triệu Quốc W nhận hối lộ tại Trạm Kiểm lâm Giã Bản là 42.600.000 đồng.

Mục D nhận hối lộ để tiêu chi tiêu cá nhân.

Hành vi của Triệu Quốc W, Hà Đức D, Lục Mạnh T, Ma Quốc S cấu thành tội nhận hối lộ theo quy định tại điểm b, đ khoản 2 Điều 354 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Việt, D, S thừa nhận tội danh bị truy tố, xét xử. Do đó, Tòa án cấp cơ thẩm xét xử các bị cáo Triệu Quốc W, Hà Đức D, Ma Quốc S là đúng người, đúng tội, không oan.

[3]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo thấy:

Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo để quyết định hình phạt, cụ thể:

Về nhân thân: Các bị cáo Triệu Quốc W, Hà Đức D, Ma Quốc S đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Triệu Quốc W trong quá trình công tác một lần được tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở, nhiều năm được tặng thưởng danh hiệu lao động tiên tiến, bị cáo có cha đẻ là người có uy tín trong cộng đồng dân cư được Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban dân tộc tặng bằng khen, nhiều lần được Chủ tịch Ủy ban nhân dân

tỉnh và Ủy ban nhân dân huyện tặng bằng khen, giấy khen, mẹ đẻ bị cáo được tặng Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng, và nhiều giấy khen của chính quyền địa phương, ông nội bị cáo cũng được truy tặng Huy hiệu 30 năm tuổi Đảng. Do vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Hà Đức D nhiều năm liền được tặng thưởng danh hiệu lao động tiên tiến, bản thân bị cáo có ông nội là cán bộ tiền khởi nghĩa được tặng thưởng Huy chương chiến thắng hạng Hai, cha đẻ bị cáo có thời gian phục vụ trong Quân đội nhân dân W Nam được tặng thưởng Huân chương chiến sỹ vẻ vang và được tặng thưởng nhiều giấy khen, bằng khen khác trong quá trình lao động, sinh sống tại địa phương do chính quyền địa phương tặng, ngoài ra người thân bị cáo cũng được tặng thưởng nhiều danh hiệu cao quý của ngành. Bị cáo Ma Quốc S bản thân được tặng thưởng danh hiệu lao động tiên tiến các năm 2021, 2022, ngoài ra bị cáo có ông ngoại được tặng thưởng Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng, ông nội là người có công trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhì, bà ngoại bị cáo tham gia lực lượng thanh niên xung phong trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp, cha đẻ bị cáo có thời gian phục vụ trong lực lượng Quân đội nhân dân W Nam được tặng thưởng Huy chương chiến sỹ vẻ vang và Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, mẹ đẻ bị cáo được nhận Kỷ niệm chương vì sức khỏe nhân dân do Bộ trưởng Bộ Y tế tặng nên các bị cáo D, S được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Do đó mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng là phù hợp, đảm bảo tính giáo dục cho bị cáo và tính răn đe, phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, trong giai đoạn phúc thẩm, bị cáo Triệu Quốc W đã tác động gia đình để bà Nguyễn Thị T (vợ bị cáo W) nộp số tiền 82.424.500 đồng để khắc phục hậu quả và nộp tiền phạt, án phí theo quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm; bị cáo Hà Đức D đã tác động gia đình để bà Hoàng Thị Thu N (vợ bị cáo D) nộp số tiền 34.824.500 đồng để khắc phục hậu quả và nộp tiền phạt, án phí theo quyết định của Bản án sơ thẩm; bị cáo Ma Quốc S đã tác động gia đình để ông Ma Văn T (bố bị cáo S) nộp số tiền 34.124.500 đồng để khắc phục hậu quả và nộp tiền phạt, án phí theo quyết định của Bản án sơ thẩm. Xét thấy trong giai đoạn phúc thẩm, các bị cáo W, D, S đã nộp lại hơn $\frac{3}{4}$ số tiền nhận hối nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ mới là “khắc phục hậu quả” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, các bị cáo còn nộp đủ số tiền phạt, án phí theo quyết định của bản án sơ thẩm nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét thấy các bị cáo D, S có thêm tình tiết giảm nhẹ mới và có đủ điều kiện để áp dụng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt quy định tại Điều 54 Bộ luật hình sự. Do đó, cần chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Việt, D, S giảm hình phạt cho các bị cáo.

Đối với số tiền các bị cáo đã nộp (thông qua người thân) trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, gồm: 82.424.500 đồng của bị cáo W 34.824.500 đồng của bị

cáo D ; 34.124.500 đồng của bị cáo S cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho các bị cáo Việt, D , S.

[4]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5]. Về án phí: Kháng cáo của các bị cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm a khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Triệu Quốc W, Hà Đức D , Ma Quốc S; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 23/2026/HS-ST ngày 15/7/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thái Nguyên về phần hình phạt.

- Căn cứ điểm b, đ khoản 2, khoản 5 Điều 354; Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025).

Xử phạt bị cáo Triệu Quốc W 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Nhận hối lộ”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 20/8/2025.

- Căn cứ điểm b, đ khoản 2, khoản 5 Điều 354; Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025).

Xử phạt bị cáo Hà Đức D 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Nhận hối lộ”. Thời hạn tù tính từ bắt tạm giam 20/8/2025.

- Căn cứ điểm b, đ khoản 2, khoản 5 Điều 354; Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025).

Xử phạt bị cáo Ma Quốc S 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Nhận hối lộ”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 20/8/2025.

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền các bị cáo Triệu Quốc W, Hà Đức D , Ma Quốc S mỗi bị cáo 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

Cấm các bị cáo Triệu Quốc V, Hà Đức D , Ma Quốc S đảm nhiệm chức vụ trong cơ quan Kiểm lâm trong thời hạn 01 năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

2. Tiếp tục tạm giữ số tiền 34.824.500đ (Ba mươi tư triệu tám trăm hai mươi bốn nghìn năm trăm đồng) theo Biên lai thu tiền số 0000116 ngày 28/7/2026 để đảm bảo thi hành án cho bị cáo Hà Đức D .

Tiếp tục tạm giữ số tiền 34.124.500đ (Ba mươi tư triệu một trăm hai mươi bốn nghìn năm trăm đồng) theo Biên lai thu tiền số 0000152 ngày 31/7/2026 để đảm bảo thi hành án cho bị cáo Ma Quốc S.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) theo Biên lai thu tiền số 0000338 ngày 08/9/2026; số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) theo Biên lai thu số 0000431 ngày 22/9/2026; số tiền 30.200.000đ (Ba mươi triệu hai trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền số 0000338 ngày 08/9/2026; số tiền 12.224.500đ (Mười hai triệu hai trăm hai mươi tư nghìn năm trăm đồng) theo Biên lai thu tiền số 0000440 ngày 23/9/2026 của Thị hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên để đảm bảo thi hành án cho bị cáo Triệu Quốc W.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14:

Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- TAND khu vực 7 - Thái Nguyên;
- VKSND khu vực 7 - Thái Nguyên;
- THADS tỉnh;
- Phòng THADS khu vực 7 - Thái Nguyên;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh;
- Trại tạm giam số 1 - CA tỉnh;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thế Doanh